

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẤT ĐAI THÔNG QUA VIỆC THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ GIAO ĐẤT, GIAO RỪNG CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bùi Thị Diệu Hiền¹, Phạm Thị Hằng¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu về công tác quản lý nhà nước (QLNN) đối với đất đai thông qua việc thực thi pháp luật về giao đất, giao rừng (GDGR) cho đồng bào dân tộc Bana, H'rê tại huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định là một trong những cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả GDGR cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) trong bối cảnh chuyển đổi số (CĐS). Kết quả nghiên cứu cho thấy: Nhu cầu đất ở, đất sản xuất (ĐSX) cho đồng bào DTTS chỉ được giải quyết một phần; Nguồn vốn và quỹ đất để giao còn hạn chế; Việc công nhận một số phong tục tập quán thông qua hương ước chưa đề cập đến vấn đề hạn chế chuyển nhượng quyền sử dụng đất (SDĐ); Mức độ tham gia đóng góp ý kiến của các hộ về phương án GDGR, về vị trí đất, rừng được giao chưa cao; Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) còn hạn chế.

Từ khóa: Đồng bào dân tộc thiểu số, huyện Vĩnh Thạnh, giao đất, giao rừng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm qua, nhiều chính sách về QLNN đối với đất đai được ban hành, trong đó có nội dung về GDGR, tạo điều kiện cho Nhà nước nâng cao hiệu quả quản lý đất đai (QLĐĐ) đối với đồng bào DTTS. Theo chính sách này, các hộ DTTS trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được giao đất ở, ĐSX nông nghiệp và được miễn tiền SDĐ [3]. Chính sách GDGR lâu dài cho hộ đã phát huy hiệu quả trong SDĐ và bảo vệ rừng, tuy nhiên quá trình thực hiện còn tồn tại những khó khăn, vướng mắc [2]. Tại huyện miền núi Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, với tỷ lệ đồng bào DTTS chiếm 28,72% dân số, việc thực thi pháp luật về GDGR đã triển khai và giải quyết một phần nhu cầu đất ở, ĐSX cho đồng bào DTTS, tuy nhiên còn tồn tại những hạn chế trong tổ chức thực hiện, ảnh hưởng đến hiệu quả QLNN về đất đai. Từ thực tiễn trên, nghiên cứu này sẽ đề cập tới tình hình QLNN về đất đai thông qua việc thực thi pháp luật về GDGR cho đồng bào DTTS tại huyện Vĩnh Thạnh, từ đó đề xuất một số giải pháp, trong đó có hàm ý việc sửa đổi,

bổ sung chính sách, pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả GDGR đối với đồng bào DTTS tại huyện Vĩnh Thạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với đất đai trong bối cảnh CĐS.

2. PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Phạm vi nghiên cứu

- **Phạm vi nội dung:** nghiên cứu kết quả giao đất ở, ĐSX cho các hộ dân tộc Bana, H'rê; mối quan hệ giữa pháp luật, hương ước, luật tục trong thực thi pháp luật GDGR; những mặt đạt được, hạn chế, một số giải pháp nâng cao hiệu quả GDGR cho đồng bào DTTS trong bối cảnh CĐS.

- **Phạm vi không gian:** huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

- **Phạm vi thời gian:** Số liệu thứ cấp được thu thập trong giai đoạn 2015 - 2021, số liệu sơ cấp được thu thập năm 2022.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập thông qua các tài liệu được cung cấp bởi UBND huyện

¹ Trường Đại học Quy Nhơn
*Email: buithidieuhien@qu.edu.vn

Vĩnh Thạnh và số liệu từ kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đã được công bố. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua (1) Phòng vấn 02 cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường, 09 cán bộ địa chính xã, thị trấn, 02 cán bộ Phòng Dân tộc, 01 cán bộ Hạt Kiểm Lâm về mối quan hệ giữa pháp luật, hương ước và luật tục và những mặt đạt được, khó khăn trong GDGR. (2) Điều tra hộ dựa vào công thức xác định cỡ mẫu của Ram (2008): $n = N/(1 + N.e^2)$; Trong đó: 'n' là cỡ mẫu xác định cho điều tra; 'N' là số lượng tổng thể; 'e' là sai số tiêu chuẩn. Với N là 209 hộ DTTS được giao đất, chọn sai số $e = 10\%$, tổng số phiếu điều tra là 68, mẫu được chọn ngẫu nhiên căn cứ vào danh sách các hộ DTTS được giao đất ở, ĐSX, điều tra về mức độ tham gia trong GDGR và mối quan hệ giữa pháp luật, hương ước, luật tục. (3) Quan sát trực tiếp nhằm thu thập, bổ sung, kiểm tra số liệu.

2.2.2. Phương pháp tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu

Số liệu điều tra, phỏng vấn sau khi thu thập được xử lý để khai thác, phân tích và lượng hóa các nội dung định tính bằng Microsoft Excel 2019.

Bảng 1. Kết quả giao đất ở, ĐSX cho các hộ DTTS theo các chương trình, dự án [5, 6]

Chương trình, dự án giao đất ở, ĐSX	Số hộ DTTS được giao đất (hộ)		Diện tích đất đã giao (ha)	
	Đất ở	ĐSX	Đất ở	ĐSX
Giao đất ở theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg cho 17 hộ dân tộc Bana, 02 hộ dân tộc H'rê	19	0	0,703	0
Giao đất ở, ĐSX theo Quyết định 33/2013/QĐ-TTg cho 95 hộ nghèo dân tộc Bana định canh định cư	95	95	1,90	95
Tổng	114	95	2,603	95

3.1.2. Kết quả giao đất ở, đất sản xuất theo đơn vị hành chính

Có 5/9 xã, thị trấn của huyện Vĩnh Thạnh được chọn để thực hiện các chính sách giao đất ở, ĐSX, với tỷ lệ phân bổ dựa trên nhu cầu SĐĐ

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kết quả thực hiện công tác QLNN về đất đai thông qua giao đất ở, ĐSX đã giúp các hộ dân tộc Bana, H'rê tại huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định có quyền SĐĐ hợp pháp, giúp ổn định đời sống và sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả QLNN về đất đai cho đồng bào DTTS.

3.1. Kết quả giao đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định trong giai đoạn 2015 - 2021

3.1.1. Kết quả giao đất ở, đất sản xuất theo các chương trình, dự án

Giai đoạn 2015 - 2021, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã chủ động thực hiện chính sách QLNN về đất đai thông qua giao 2.603 ha đất ở và 95 ha ĐSX cho 209 hộ dân tộc Bana, H'rê ở các xã đặc biệt khó khăn (bảng 1), giúp ổn định đời sống gắn với tập quán canh tác phổ biến trên nương, rẫy, xen lẫn trồng lúa, hoa màu và chăn nuôi của người Bana và giao đất ở trong khu dân cư, gần với ĐSX của hộ, phù hợp với tập quán canh tác lúa nước của người H'rê.

của các hộ DTTS chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ; ưu tiên hộ nghèo; kế hoạch SĐĐ; phân bổ ngân sách và tỷ lệ đồng bào DTTS của xã, thị trấn, tuy nhiên kết quả giao đất còn hạn chế so với nhu cầu SĐĐ đã đăng ký.

Bảng 2. Số hộ DTTS được giao đất ở, ĐSX so với nhu cầu đăng ký [5, 6]

Các xã, thị trấn	Đất ở			Đất sản xuất		
	Số hộ có nhu cầu (hộ)	Số hộ được giao đất (hộ)	Tỷ lệ đã giao so với nhu cầu (%)	Số hộ có nhu cầu (hộ)	Số hộ được giao đất (hộ)	Tỷ lệ đã giao so với nhu cầu (%)
Vĩnh Sơn	114	95	83,33	161	95	59,01
Vĩnh Thạnh	44	7	15,91	64	0	0
Vĩnh Hòa	15	3	2,00	57	0	0
Vĩnh Thuận	14	8	57,14	131	0	0
Vĩnh Hiệp	10	1	10,00	79	0	0
Tổng số	197	114	53,27	613	95	15,50

Xã Vĩnh Sơn có kết quả GDGR nổi bật nhất với số hộ được giao đất ở, ĐSX so với nhu cầu chiếm tỷ lệ lần lượt là 83,33% và 59,01% (Bảng 2). Các xã Vĩnh Hòa, Vĩnh Thuận, Vĩnh Hiệp và Vĩnh Thạnh có diện tích đất ở đã giao đạt tỷ lệ thấp so với nhu cầu và không được giao ĐSX (Bảng 2, Bảng 3). Kết quả đó một mặt là do nhiều hộ DTTS được giao đất theo các chương trình, dự án triển khai

trước đó, mặt khác, nguồn vốn thực hiện các dự án hạn hẹp, nguồn lực của huyện còn hạn chế nên thiếu kinh phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền SDD để thống kê diện tích đất chưa giao, chưa cho thuê, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất, gây khó khăn trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ QLNN về đất đai trong bối cảnh CDS.

Bảng 3. Diện tích đất ở, ĐSX đã giao cho các hộ DTTS so với nhu cầu đăng ký [5, 6]

Các xã, thị trấn	Đất ở			Đất sản xuất		
	Nhu cầu về diện tích (ha)	Diện tích đã giao (ha)	Tỷ lệ diện tích đã giao so với nhu cầu (%)	Nhu cầu về diện tích (ha)	Diện tích đã giao (ha)	Tỷ lệ diện tích đã giao so với nhu cầu (%)
Vĩnh Sơn	34,20	1,90	5,56	172,66	95	55,02
Vĩnh Thạnh	8,63	0,100	1,16	29,54	0	0
Vĩnh Hòa	1,80	0,090	5,00	38,26	0	0
Vĩnh Thuận	5,60	0,454	8,11	62,29	0	0
Vĩnh Hiệp	2,04	0,059	2,89	17,64	0	0
Tổng số	52,27	2,603	4,98	320,39	95	29,65

3.1.3. Tình hình thiếu đất ở, đất sản xuất tại huyện Vĩnh Thạnh

Theo kết quả báo cáo, tính đến năm 2021, có 3,67% hộ DTTS có nhu cầu hỗ trợ đất ở và 18,99% hộ thiếu ĐSX (Bảng 4). Mặc dù nhu cầu về đất ở, ĐSX là vấn đề bức thiết, tuy

nhiên, kết quả phỏng vấn cán bộ tại thị trấn Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Hiệp và xã Vĩnh Thuận, một số hộ DTTS chuyển nhượng quyền SDD sản xuất bằng miệng hoặc giấy tờ viết tay đối với đất được giao sau 3 - 5 năm do sản xuất chưa hiệu quả, hộ cần tiền trang trải cuộc sống.

Bảng 4. Số hộ DTTS thiếu đất ở, ĐSX và diện tích đất cần hỗ trợ tính đến năm 2021 [7]

Loại đất	Tổng số hộ DTTS năm 2021	Số hộ DTTS thiếu đất (hộ)	Tỷ lệ các hộ DTTS thiếu đất (%)	Diện tích đất thiếu (ha)	Nhu cầu hỗ trợ trực tiếp đất ở, ĐSX (hộ)
Đất ở	2.723	100	3,67	2,165	100
Đất sản xuất	2.723	517	18,99	199,117	517

Có 1.675 hộ dân tộc Bana, H'rê tại tất cả các xã, thị trấn nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng với diện tích 44.058,63ha, tuy nhiên mức thu nhập còn thấp, chỉ từ 4,8 - 7,2 triệu đồng/hộ/năm. Nhiều hộ DTTS thiếu ĐSX nhưng đã nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP không được tiếp tục hưởng chính sách hỗ trợ ĐSX theo điểm c khoản 2 Điều 5 Quyết định 2085/QĐ-TTg, do đó không có cơ sở xem xét giao đất theo nhu cầu SĐĐ, đây là vướng mắc khi triển khai công tác QLNN về đất đai thông qua GDGR tại huyện [1, 5].

3.2. Mối quan hệ giữa pháp luật, hương ước và luật tục trong thực thi pháp luật thông qua giao đất, giao rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Vĩnh Thạnh

Kết quả điều tra 68 hộ DTTS cho thấy có 86,76% hộ chưa biết, chưa nắm một số quy định về quyền và nghĩa vụ đối với thửa đất được giao, tuy nhiên 100% hộ thực hiện quy định của hương ước. So sánh giữa số liệu thứ

cấp với kết quả điều tra hộ, phỏng vấn cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường và cán bộ địa chính kết hợp quan sát trực tiếp cho thấy việc lồng ghép pháp luật vào hương ước có quan tâm đến yếu tố luật tục (Bảng 5) đã góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác QLNN về đất đai bằng pháp luật. Qua quan sát việc SĐĐ theo ranh giới thửa đất cho kết quả tất cả các hộ được khảo sát đã xây dựng hàng rào, rào ngăn đối với thửa đất được giao, phù hợp với luật tục về đánh dấu khu vực phát nương rẫy của dân tộc Bana và luật tục không chăm nom cai quản đất của mình sẽ bị làng xử lý của người H'rê, góp phần cụ thể hóa quy định của Luật Đất đai 2013 trong thực tiễn. Kết quả phỏng vấn cán bộ địa chính xã, thị trấn, cán bộ Phòng Dân tộc và cán bộ Hạt Kiểm Lâm kết hợp kết quả quan sát cho thấy nhiều hộ DTTS đã xây dựng nhà bằng xi-măng để ở thay cho nhà sàn, một trong số những nguyên nhân là do giá gỗ tăng cao, hương ước quy định không được tự ý khai thác gỗ làm nhà.

Bảng 5. Nội dung lồng ghép pháp luật đất đai và luật tục trong hương ước của đồng bào DTTS

Quy định của pháp luật	Luật tục	Nội dung lồng ghép trong hương ước làng, hương ước bảo vệ và phát triển rừng
SĐĐ đúng ranh giới thửa đất (khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai 2013)	- Làng xử lý tội không chăm nom cai quản đất của mình - Đánh dấu khu vực phát nương rẫy	<i>Hương ước làng quy định:</i> Ranh giới thổ cư các chủ hộ phải có hàng rào ngăn cách và trồng cây có giá trị kinh tế, ĐSX nơi gần đường dân sinh phải có rào ngăn chắc chắn.
Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hoà giải hoặc giải quyết thông qua hoà giải ở cơ sở (Điều 202 Luật Đất đai 2013)		<i>Hương ước làng quy định:</i> Đất có tranh chấp, tổ hòa giải tranh chấp giải quyết theo các quy định tại hương ước.
Cấm chặt, phá, khai thác, lán, chiếm rừng trái quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 9 Luật Lâm nghiệp năm 2017)	Tôn thờ Rừng Cà Thân, cấm không được làm gì ảnh hưởng đến sự phát triển của rừng; muốn xâm canh phải được làng chấp nhận (thông qua Già làng)	<i>Hương ước bảo vệ và phát triển rừng quy định:</i> - Không phát đốt rừng làm nương rẫy trong khu rừng cấm, không được khai thác cây, gỗ trái phép... - Người dân sống gần rừng ký cam kết không phá rừng, không canh tác trên diện tích rừng bị phá; - Tài sản, hoa màu và tài nguyên rừng mọi người trong làng có trách nhiệm bảo vệ chung.

Nguồn: Tổng hợp từ [3, 4] và kết quả phỏng vấn, điều tra, quan sát tại huyện Vĩnh Thạnh năm 2022.

3.3. Sự tham gia của người dân trong quản lý nhà nước về đất đai thông qua giao đất, giao rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Vĩnh Thạnh

Huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã huy động được sự tham gia của các hộ DTTS trong công tác QLNN về đất đai thông qua GDGR. Các hộ được điều tra đã tham gia tích cực ở một số giai đoạn, chủ yếu được thông báo kết quả xét chọn đối tượng được GDGR, về việc triển khai thực hiện dự án, được biết quyền, nghĩa vụ đối với đất được giao; được

tham vấn về vị trí đất, rừng được giao và hợp tác trong đăng ký nhu cầu SĐĐ, ký cam kết không phá rừng, không canh tác trên diện tích rừng bị phá (Bảng 5). Kết quả này một phần là do GDGR ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi nên được sự quan tâm của các hộ DTTS, mặt khác có sự linh hoạt khi quy định trong hương ước làng: các hộ phải tham gia sinh hoạt, họp làng đầy đủ, do đó tỷ lệ hộ tham gia cao. Tuy nhiên, tỷ lệ các hộ đóng góp ý kiến về phương án GDGR và về vị trí đất được giao còn thấp (Bảng 6).

Bảng 6. Ý kiến của hộ điều tra về sự tham gia của đồng bào DTTS trong quá trình GDGR

Nội dung điều tra	Đồng ý (phiếu)	Tỷ lệ (%)	Nội dung điều tra	Đồng ý (phiếu)	Tỷ lệ (%)
1. Đăng ký nhu cầu SĐĐ, nhu cầu được giao rừng	68	100	6. Được hỏi ý kiến về phương án GDGR	35	51,47
2. Được thông báo về việc triển khai thực hiện dự án	53	77,94	7. Đã đóng góp ý kiến về phương án GDGR	0	0
3. Được thông báo về kết quả xét chọn đối tượng được GDGR	68	100	8. Được hỏi ý kiến về vị trí đất, rừng được giao	25	36,76
4. Được thông báo về tiến độ GDGR và điều chỉnh tiến độ (nếu có)	25	36,76	9. Đã Đóng góp ý kiến về vị trí đất được giao	1	1,47
5. Được nghe, đọc các quy định về quyền, nghĩa vụ đối với đất được giao	36	52,94	10. Ký cam kết không phá rừng, không canh tác trên diện tích rừng bị phá	68	100

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra các hộ DTTS tại huyện Vĩnh Thạnh năm 2022.

Tại huyện Vĩnh Thạnh, việc ứng dụng CNTT triển khai công tác QLNN về đất đai thông qua GDGR đến các hộ DTTS còn hạn chế, chủ yếu là công khai hệ thống chính sách pháp luật về QLNN về đất đai và quy trình GDGR trên website của UBND huyện và số hóa các dữ liệu về thửa đất đã giao. Huyện đã triển khai hình thức đăng ký trực tuyến thủ tục thẩm định nhu cầu SĐĐ để xem xét giao đất tại Cổng dịch vụ công Tỉnh Bình Định, tuy nhiên không có hộ DTTS đăng ký trực tuyến. Một trong những nguyên nhân là do tiếp cận thông tin trực tuyến của các hộ DTTS còn hạn chế, mặt khác, hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai đã

và đang được xây dựng cung cấp dữ liệu pháp lý hỗ trợ công tác GDGR, tuy nhiên còn hạn chế trong cập nhật, chia sẻ dữ liệu trực tuyến, gây khó khăn trong quá trình QLNN về đất đai trong bối cảnh CDS tại huyện.

3.4. Đánh giá về công tác quản lý nhà nước đối với đất đai thông qua việc thực thi pháp luật về giao đất, giao rừng tại huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

* Những mặt đạt được: Công tác QLNN đối với đất đai thông qua giao đất ở, ĐSX đã căn cứ vào nhu cầu SĐĐ và tập quán canh tác của các hộ dân tộc Bana, H'rê; Huy động

được sự tham gia của các hộ trong quá trình GDGR; Lồng ghép luật tục và pháp luật đất đai, pháp luật về quản lý bảo vệ rừng trong hương ước, qua đó đạt được sự đồng thuận của các hộ DTTS, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật QLNN về đất đai thông qua GDGR.

** Hạn chế:* Số lượng hộ DTTS được giao đất và diện tích đất đã giao còn thấp so với nhu cầu SĐĐ; Nguồn vốn và quỹ đất để giao còn hạn chế; Một số hộ thiếu ĐSX nhưng không có cơ sở giao đất theo nhu cầu SĐĐ; Mức độ tham gia đóng góp ý kiến về phương án GDGR, vị trí đất, rừng được giao chưa cao; Một số hộ chưa khai thác SĐĐ sản xuất hiệu quả; Vẫn còn tình trạng tự ý chuyển nhượng quyền SĐĐ sản xuất được giao. Bên cạnh đó, hạn chế về ứng dụng CNTT trong QLNN đối với đất đai thông qua GDGR, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai cũng như chia sẻ dữ liệu trực tuyến gây khó khăn trong quá trình CDS tại huyện.

3.5. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai thông qua thực thi pháp luật về giao đất, giao rừng tại huyện Vĩnh Thạnh

Để nâng cao hiệu quả QLNN về đất đai thông qua thực thi pháp luật về GDGR trong bối cảnh CDS, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định cần phát huy sự chủ động trong ứng dụng công nghệ số triển khai công tác GDGR có sự tham gia của các hộ DTTS; Tiếp tục nghiên cứu lồng ghép luật tục và pháp luật đất đai trong hương ước làng; Xây dựng phương án tạo quỹ đất để giao; Đề xuất cơ quan Nhà nước ở Trung ương điều chỉnh đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất ở, ĐSX đối với các hộ đã nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng; Trang bị một số kỹ năng tham gia đóng góp ý kiến cho đồng bào DTTS và các phương pháp tiếp cận cộng đồng, ứng dụng CNTT trong phát triển cộng đồng cho

cán bộ thực hiện GDGR; Tăng cường hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ các hộ DTTS sử dụng nguồn tài chính sẵn có để đầu tư vào các hoạt động tạo lợi ích kinh tế, hướng tới nền kinh tế số thông qua hỗ trợ kinh doanh trực tuyến; Cán bộ QLĐĐ thường xuyên theo dõi, kịp thời ngăn chặn các trường hợp tự ý chuyển nhượng quyền SĐĐ, đẩy mạnh ứng dụng CNTT hỗ trợ đồng bào DTTS tiếp cận pháp luật đất đai trực tuyến cũng như phản ánh các trường hợp vi phạm trong quá trình SĐĐ với chính quyền; Đề xuất bổ sung quy định trong hương ước làng về cấm việc tự ý chuyển nhượng quyền SĐĐ đối với thửa đất được giao chưa đủ điều kiện chuyển nhượng; Xây dựng cập nhật, kết nối liên thông hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai giữa các xã, thị trấn nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về đất đai thông qua GDGR trong bối cảnh CDS.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác QLNN về đất đai thông qua GDGR tại huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã giải quyết một phần nhu cầu đất ở, ĐSX cho các hộ dân tộc Bana, H'rê, tuy nhiên ứng dụng CNTT trong GDGR còn hạn chế, vẫn còn vướng mắc về điều kiện được giao ĐSX. Trên cơ sở đánh giá những mặt đạt được và hạn chế trong công tác GDGR, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp, trong đó có hàm ý thay đổi chính sách pháp luật đất đai về đối tượng thụ hưởng chính sách GDGR và các giải pháp tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về đất đai thông qua GDGR cho đồng bào DTTS tại huyện Vĩnh Thạnh trong bối cảnh CDS.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Quy Nhơn với mã số T2022.755.11.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2015), Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào DTTS giai đoạn 2015 - 2020.
2. Tô Xuân Phúc, Trần Hữu Nghị (2014), Báo cáo giao đất, giao rừng trong bối cảnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp: Cơ hội phát triển rừng và cải thiện sinh kế vùng cao, Tropenbos International Viet Nam, Huế, Việt Nam.
3. Quốc hội (2013), Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013.
4. Quốc hội (2017), Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.
5. UBND huyện Vĩnh Thạnh (2016), Báo cáo số 183/BC-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2016 về tình hình triển khai thực hiện Quyết định 33/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh.
6. UBND huyện Vĩnh Thạnh (2021), Báo cáo số 147/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 về tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh giai đoạn 2017 - 2020.
7. UBND huyện Vĩnh Thạnh (2021), Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021 về kết quả rà soát tình hình thiếu đất ở, ĐSX trong đồng bào DTTS năm 2021 trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh.

SUMMARY

Assessment of the state management over land through the law enforcement of land and forest allocation policies for ethnic minorities in Vinh Thanh district, Binh Dinh province

Bui Thi Dieu Hien¹, Pham Thi Hang¹

¹Quy Nhon University

Research on the state management over land through the law enforcement of land and forest allocation policies for the Bana and H're ethnic minorities in Vinh Thanh district, Binh Dinh province was one of the important basis to propose solutions to improve the efficiency of land allocation and forest allocation for ethnic minorities. The research results showed that the state management over land through the allocation of residential and production land has partially solved the demand for residential land and production land that got on well with the farming habits of ethnic minorities in Vinh Thanh district, Binh Dinh province. However, there was still the situation that ethnic minority households had no or lack residential land and production land, but local authorities have no basis to deal with it; financial sources and land fund for allocation were limited; the recognition of a number of customs and habits of ethnic minorities through the village convention has not mentioned the issue of restricting the transfer of land use rights; the level of participation and comment of households on land and forest allocation plans and on the location of allocated land and forests was not high.

Keywords: Ethnic minorities, Vinh Thanh district, land and forest allocation.

Người phản biện: TS. Vũ Văn Tuấn

Email: vvtuan@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/4/2022

Ngày thông qua phản biện: 10/6/2022

Ngày duyệt đăng: 14/6/2022